

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM ĐÔNG, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 20/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2024 về việc: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị **Trần Thị Thu H**, sinh năm: 2003. Nơi thường trú: **Thôn A, xã H, huyện N, tỉnh Thừa Thiên Huế.**

- Anh **Trần Xuân P**, sinh năm: 2003. Nơi thường trú: **Thôn A, xã H, huyện N, tỉnh Thừa Thiên Huế.**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị **Trần Thị Thu H** và anh **Trần Xuân P** thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã sống ly thân, không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 5 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị **Trần Thị Thu H** và anh **Trần Xuân P** thỏa thuận thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu **Trần Hoàng L**, sinh ngày 05/8/2020 cho anh **P** trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị **H** không cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nghĩa vụ trả nợ chung: Hai đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), chị **H** tự nguyện chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà chị đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002288 ngày 23 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế. Chị **H** đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đông;
- Chi cục THADS huyện Nam Đông;
- UBND xã Hương Sơn, huyện Nam Đông;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

THẨM PHÁN

Trần Thị Thanh Vân